

Số: 40 /2024/TT-BYT

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

**Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ y tế dự phòng
về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế công lập**

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ y tế dự phòng về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ y tế dự phòng về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế công lập.
- Thông tư này áp dụng cho các cơ sở y tế công lập thực hiện dịch vụ y tế dự phòng về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ y tế dự phòng về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS gồm 95 dịch vụ, cụ thể:

- Nhóm dịch vụ tư vấn phòng, chống HIV/AIDS gồm 18 dịch vụ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
- Nhóm dịch vụ khám, điều trị HIV/AIDS và xác định tình trạng nhiễm ma túy gồm 15 dịch vụ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
- Nhóm dịch vụ cận lâm sàng chẩn đoán, điều trị HIV/AIDS và xác định tình trạng nhiễm ma túy gồm 62 dịch vụ quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2025.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

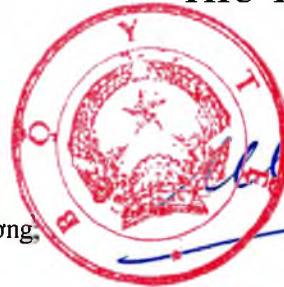
Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm KSBT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, AIDS, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Liên Hương

Phụ lục I

NHÓM DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2024/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên gọi chi tiết	Chủng loại cụ thể/ Đặc điểm cơ bản
I	Tư vấn trước và sau xét nghiệm HIV	
1	Tư vấn cá nhân tại cơ sở y tế	Tư vấn trước xét nghiệm HIV
2	Tư vấn nhóm tại cơ sở y tế	
3	Tư vấn cá nhân theo hình thức lưu động	
4	Tư vấn nhóm theo hình thức lưu động	
5	Tư vấn cá nhân theo hình thức từ xa	
6	Tư vấn nhóm theo hình thức từ xa	
7	Tư vấn cá nhân tại cơ sở y tế	Tư vấn sau xét nghiệm HIV bao gồm: tư vấn sau xét nghiệm sàng lọc HIV và tư vấn sau xét nghiệm khẳng định HIV
8	Tư vấn nhóm tại cơ sở y tế	
9	Tư vấn cá nhân theo hình thức lưu động	
10	Tư vấn nhóm theo hình thức lưu động	
11	Tư vấn cá nhân theo hình thức từ xa	
12	Tư vấn nhóm theo hình thức từ xa	
II	Tư vấn cho người có hành vi nguy cơ cao, người bị phơi nhiễm HIV, người nhiễm HIV và người bệnh AIDS	
13	Tư vấn cá nhân tại cơ sở y tế	Tư vấn tuân thủ điều trị; Tư vấn điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; Bộc lộ tình trạng nhiễm HIV cho trẻ vị thành niên; Chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục cho trẻ vị thành niên; Chuyển tiếp trẻ vị thành niên sang cơ sở điều trị người lớn; Sử dụng thuốc.
14	Tư vấn nhóm tại cơ sở y tế	
15	Tư vấn cá nhân theo hình thức lưu động	
16	Tư vấn nhóm theo hình thức lưu động	
17	Tư vấn cá nhân theo hình thức từ xa	
18	Tư vấn nhóm theo hình thức từ xa	

Phụ lục II

NHÓM DỊCH VỤ KHÁM, ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS VÀ XÁC ĐỊNH TÌNH TRẠNG NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2024/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên gọi chi tiết	Chủng loại cụ thể/ Đặc điểm cơ bản
I	Khám cho người có hành vi nguy cơ cao, người bị phơi nhiễm với HIV, người nhiễm HIV và người bệnh AIDS	
1	Khám cho người có hành vi nguy cơ cao, người bị phơi nhiễm với HIV, người nhiễm HIV và người bệnh AIDS tại cơ sở y tế	Khám cho các đối tượng sau: - Người có hành vi nguy cơ cao; - Người bị phơi nhiễm với HIV; - Người nhiễm HIV; - Người bệnh AIDS.
2	Khám cho người có hành vi nguy cơ cao, người bị phơi nhiễm với HIV, người nhiễm HIV và người bệnh AIDS theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh lưu động	
3	Khám cho người có hành vi nguy cơ cao, người bị phơi nhiễm với HIV, người nhiễm HIV và người bệnh AIDS theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh từ xa	
II	Xác định tình trạng nghiện nhóm chất dạng thuốc phiện	
4	Khám lâm sàng xác định tình trạng nghiện chất dạng thuốc phiện tại cơ sở y tế	Khám xác định tình trạng nghiện chất dạng thuốc phiện
5	Khám lâm sàng xác định tình trạng nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cơ sở y tế	
6	Khám xác định trạng thái cai chất dạng thuốc phiện tại cơ sở y tế	Khám xác định tình trạng cai chất dạng thuốc phiện
7	Khám xác định trạng thái cai chất dạng thuốc phiện ngoài cơ sở y tế	
III	Xác định tình trạng nghiện chất kích thần (rối loạn sử dụng chất kích thần)	
8	Khám lâm sàng xác định tình trạng nghiện chất kích thần tại cơ sở y tế	Khám xác định tình trạng nghiện chất kích thần
9	Khám lâm sàng xác định tình trạng nghiện chất kích thần ngoài cơ sở y tế	
10	Khám xác định trạng thái cai chất kích thần tại cơ sở y tế	Khám xác định tình trạng cai chất kích thần
11	Khám xác định trạng thái cai chất kích thần ngoài cơ sở y tế	

IV	Xác định tình trạng nghiện cần sa (rối loạn sử dụng cần sa)	
12	Khám lâm sàng xác định tình trạng nghiện cần sa tại cơ sở y tế	Khám xác định tình trạng nghiện cần sa
13	Khám lâm sàng xác định tình trạng nghiện cần sa ngoài cơ sở y tế	
14	Khám xác định trạng thái cai cần sa tại cơ sở y tế	Khám xác định tình trạng cai cần sa
15	Khám xác định trạng thái cai cần sa ngoài cơ sở y tế	

Phụ lục III

NHÓM DỊCH VỤ CẬN LÂM SÀNG CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS VÀ XÁC ĐỊNH TÌNH TRẠNG NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2024/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên gọi chi tiết	Chủng loại cụ thể/ Đặc điểm cơ bản
1	HIV Ab test nhanh	Xét nghiệm chẩn đoán HIV và xét nghiệm trong theo dõi điều trị HIV gồm: - Sàng lọc HIV; - Kháng định HIV; - Đo tải lượng HIV; - Chẩn đoán sớm nhiễm HIV; - Giải trình tự gen; - Đếm tế bào CD4.
2	HIV Ag/Ab test nhanh	
3	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	
4	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	
5	HIV Ab miễn dịch bán tự động	
6	HIV Ab miễn dịch tự động	
7	HIV ngưng kết hạt	
8	HIV Ab Western blot	
9	HIV kháng định	
10	HIV đo tải lượng hệ thống tự động	
11	HIV đo tải lượng Realtime PCR	
12	HIV đo tải lượng - HIV Xpert	
13	HIV DNA PCR	
14	HIV DNA Realtime PCR	
15	HIV Realtime PCR trên mẫu giọt máu khô	
16	HIV genotype giải trình tự gene (Giải trình tự gen HIV bằng phương pháp Sanger cho một gen)	
17	Giải trình tự gen HIV bằng phương pháp NGS cho một gen	
18	HIV kháng thuốc giải trình tự gen	

19	Định lượng CD4, hoặc đếm tế bào CD4	
20	HBsAg (HBsAg bằng kỹ thuật hóa phát quang hoặc HBsAg test nhanh, hoặc HBsAg miễn dịch bán tự động, hoặc HBsAg miễn dịch tự động)	Xét nghiệm viêm gan B trong chẩn đoán điều trị HIV
21	Anti-HCV (Anti-HCV bằng kỹ thuật hóa phát quang, hoặc HCV Ab test nhanh, hoặc HCV Ab miễn dịch bán tự động, hoặc HCV Ab miễn dịch tự động, hoặc HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động, hoặc HCV Ag/Ab miễn dịch tự động)	Xét nghiệm viêm gan C trong chẩn đoán điều trị HIV
22	Giang mai (Treponema pallidum test nhanh, hoặc Treponema pallidum TPHA định tính và định lượng, và Treponema pallidum RPR định tính và định lượng, hoặc Treponema pallidum PCR, hoặc Treponema pallidum Real-time PCR)	Xét nghiệm giang mai trong chẩn đoán điều trị HIV
23	Lậu (Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi, hoặc Neisseria gonorrhoeae nuôi cấy, định danh và kháng thuốc, hoặc Neisseria gonorrhoeae PCR, hoặc Neisseria gonorrhoeae Real-time PCR, hoặc Neisseria gonorrhoeae Real-time PCR hệ thống tự động)	Xét nghiệm lậu trong chẩn đoán điều trị HIV
24	Chlamydia (Chlamydia test nhanh, hoặc Chlamydia Ab miễn dịch bán tự động, hoặc Chlamydia Ab miễn dịch tự động, hoặc Chlamydia PCR, hoặc Chlamydia Real-time PCR, hoặc Chlamydia Real-time PCR hệ thống tự động)	Xét nghiệm Chlamydia trong chẩn đoán điều trị HIV
25	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công, hoặc bằng máy đếm tổng trở, hoặc bằng máy đếm laser, hoặc bằng hệ thống tự động hoàn toàn).	Xét nghiệm công thức máu
26	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Xét nghiệm sinh hóa máu
27	Đo hoạt độ AST (GOT)	
28	Định lượng Creatinin (máu)	
29	Định lượng Urê máu [Máu]	
30	Định lượng Glucose	
31	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	
32	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu).	
33	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	

34	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]		
35	Định lượng Triglycerid [Máu]		
36	Xét nghiệm định tính 1 chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu	Cận lâm sàng xét nghiệm sử dụng chất	
37	Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy		
38	Test nhanh phát hiện chất opiate trong nước tiểu, hoặc Định tính Opiat (test nhanh) [niệu]		
39	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu		
40	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]		
41	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]		
42	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]		
43	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]		
44	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]		
45	Methamphetamin (test nhanh)		
46	Cocain niệu (test nhanh)		
47	Chụp X-quang ngực thẳng		Cận lâm sàng hình ảnh, chức năng
48	Điện tim thường		
49	Siêu âm ổ bụng (gan, mật, tụy, lách, thận, bàng quang)		
50	Chụp CLVT sọ não		
51	Đo điện não (vi tính hoặc video)		
52	Đo lưu huyết não		
53	Trắc nghiệm tâm lý	Cận lâm sàng trắc nghiệm tâm lý	
54	Thu thập, bảo quản và vận chuyển mẫu bệnh phẩm đường máu (máu, huyết thanh, huyết tương...) cho xét nghiệm Huyết thanh học	Lấy, bảo quản và vận chuyển mẫu bệnh phẩm	
55	Thu thập, bảo quản và vận chuyển mẫu giọt máu khô		
56	Thu thập, bảo quản và vận chuyển mẫu bệnh phẩm đường máu (máu, huyết thanh, huyết tương...) cho xét nghiệm sinh học phân tử		
57	Sản xuất và cung cấp bộ mẫu nội kiểm huyết thanh học HIV		Cung cấp mẫu nội kiểm trên mẫu huyết thanh để đánh

58	Sản xuất và cung cấp bộ mẫu nội kiểm đếm tế bào CD4	giá chất lượng xét nghiệm thông qua việc sản xuất, phân phối bộ mẫu để các đơn vị xét nghiệm thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng xét nghiệm khi cung cấp dịch vụ
59	Sản xuất và cung cấp bộ mẫu nội kiểm huyết thanh học HIV-HBsAg-HCV-Giang mai	
60	Sản xuất và cung cấp chương trình ngoại kiểm, bộ mẫu đánh giá năng lực phòng xét nghiệm huyết thanh học HIV	Cung cấp bộ mẫu ngoại kiểm huyết thanh học trên mẫu huyết thanh để đánh giá chất lượng xét nghiệm phục vụ công tác phòng, chống HIV/AIDS thông qua việc sản xuất, phân phối bộ mẫu và phân tích, đánh giá kết quả của các đơn vị tham gia.
61	Sản xuất và cung cấp chương trình ngoại kiểm xét nghiệm đếm tế bào CD4	
62	Sản xuất và cung cấp chương trình ngoại kiểm huyết thanh học HIV-HBsAg-HCV-Giang mai	

